TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HS-ST
Ngày: 28 - 11- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Lý Bằng

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

-Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2023/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H** - sinh năm: 1983, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn Th, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C, con bà: Phạm Thị L; có vợ là Đồng Thị M và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: Không

Nguyễn Văn H bị bắt tạm giam ngày 22/9/2023; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Bị hại: Công ty Cổ phần tập đoàn S (tên cũ là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)

Địa chỉ: Văn phòng đại diện số 8 Q, phường Q, quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Nh – Trưởng phòng kinh doanh, theo văn bản ủy quyền số 27/2023/UQ-TGĐ ngày 10/8/2023 (có mặt)

Người làm chứng:

1.Lê Thị H, sinh năm 1981

Trú tại: 02/577, đường H, Phường Đ, TP Th, tỉnh Thanh Hóa,

2. Lê Bá Tr, sinh năm 1991
Trú tại: Số nhà 10, Nguyễn Mộng T, Phường N, TP Th, tỉnh Thanh Hóa,
3. Lê Châu T, sinh năm 1991
Trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1981,
Trú tại : Thôn V 2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,
5. Nguyễn Đăng V, sinh năm 1976,
Trú tại: xã H, TP Th, tỉnh Thanh Hóa,
6. Lê Trương C, sinh năm 1982,
Trú tại: Xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,
7. Nguyễn Văn C, sinh năm 1977,
Trú tại: Thôn P, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa,
8. Bùi Văn Tr, sinh năm 1978,
Trú tại: Thôn E, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa,
9. Hàn Thị L, sinh năm 1967,
Trú tại: 393 tổ 106, C, Phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa,
10. Đồng Thị M, sinh năm 1987,
Trú tại: Thôn Th, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
(Những người làm chứng đều vắng mặt tạ phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/4/2018, Công ty Cổ phần tập đoàn S (tên cũ là Công ty Cổ phần Toàn Thắng) có địa chỉ Văn phòng đại diện: Tại số 8 Q, phường Q, quận H, TP. Hà Nội kí hợp đồng lao động với Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, trú tại thôn Th, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa với thời hạn 03 năm, chức vụ nhân viên kinh doanh, chi nhánh Thanh Hóa. Với chức năng, nhiệm vụ được giao đối với nhân viên kinh doanh, H thực hiện nhiệm vụ bán hàng và thu nhận tiền mua hàng (tiền hàng) từ các nhà phân phối, các đại lý của Công ty trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; sau đó có nghĩa vụ nộp chuyển trả về Công ty đầy đủ và đúng hạn số tiền hàng đã nhận được vào ngày mùng 5 hàng tháng.

Nguyễn Văn H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, lợi dụng danh nghĩa Công ty để chiếm đoạt tiền hàng của 10 nhà phân phối, đại lý nhưng không nộp lại cho Công ty vào thời gian theo quy định. Cụ thể: Đại lý A ở xã Tr, huyện H số tiền 13.360.000đ (mười ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng); Đại lý Tr ở xã Th, huyện Th 11.465.000đ (mười một triệu bốn trăm sáu lăm nghìn đồng); Đại lý Ngọc Loan ở phường L, thị xã B số tiền 19.573.000đ (mười chín triệu năm trăm bảy ba nghìn

đồng); Đại lý Ch ở xã H, huyện H với số tiền 11.050.000đ (mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); Đại lý T ở xã H, huyện H với số tiền 6.050.000đ (sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); Đại lý V ở xã H, huyện H (nay là xã H, thành phố Th) với số tiền 4.665.000đ (bốn triệu sáu trăm sáu lăm nghìn đồng); Đại lý T ở phường Đ, thành phố Th với số tiền 13.618.000đ (mười ba triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng); Đại lý B ở phường A (nay là phường An Hưng), thành phố Th với số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng); Đại lý Tr ở phường N, thành phố Th với số tiền 6.783.550đ (sáu triệu bảy trăm tám ba nghìn năm trăm năm mươi đồng); Nhà phân phối V ở phường Đ, thành phố Th với số tiền 80.658.576đ (tám mươi triệu sáu trăm năm tám nghìn năm trăm bảy sáu đồng). Tổng số tiền mà Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt của các nhà phân phối, đại nộp về Công ty tính đến ngày 11/01/2019 là 168.923.126 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm hai ba nghìn một trăm hai sáu đồng) nhưng H đã để lại chi tiêu cá nhân.

Sau nhiều lần làm việc trực tiếp với Nguyễn Văn H, ngày 27/12/2021, H đã nộp số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) về Công ty Cổ phần tập đoàn S để khắc phục. Sau đó, Công ty đã nhiều lần liên hệ nhưng H vẫn chưa nộp được hết số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty. Cụ thể là 118.923.126 đồng (Một trăm mười tám triệu chín trăm hai ba nghìn một trăm hai sáu đồng).

Ngày 25/7/2023, Công ty Cổ phần tập đoàn S có đơn tố giác về hành vi tham ô tài sản của Nguyễn Văn H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT – VKS HL ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội " Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn H.

Về tội danh Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353 của BLHS, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, phạm tội "Tham ô tài sản"

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm d khoản 2, Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 03 (ba) năm 06 (tháng) đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản Công ty bị chiếm đoạt là 168.923.126 đồng. Số tiền trên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty. Tuy nhiên, bị cáo đã nộp tiền để khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Công ty vào ngày ngày 27/12/2021 và ngày 04/10/2023. Số tiền nộp vào ngày 04/10/2023 được chuyển vào tài khoản

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Để đảm bảo công tác thi hành án cần tiếp tục thu giữ số tiền trên để hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần tập đoàn S.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

Về án phí hình sự và án phí dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện cho Công ty Cổ phần tập đoàn S, không có ý kiến gì phần hình phạt và bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để sớm trở về công đồng làm ăn lương thiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng.

[2]. Về chứng cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thừa nhận, trong thời gian làm nhân viên kinh doanh bán hàng, kim thu tiền của khách hàng là các nhà phân phối và đại lý trong địa bàn tỉnh Thanh Hóa, bị cáo đã lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã thu tiền của các nhà phân phối, các đại lý mà không nộp về Công ty Cổ phần tập đoàn S, cụ thể: Đại lý A ở xã Tr, huyện H số tiền 13.360.000đ; Đại lý Tr ở xã Th, huyện Th số tiền 11.465; Đại lý Ng ở phường L, thị xã B số tiền 19.573.000đ; Đại lý Ch ở xã H, huyện H số tiền 11.050.000đ; Đại lý T ở xã H, huyện H số tiền 6.050.000đ; Đại lý V ở xã H, thành phố Th số tiền 4.665.000đ; Đại lý T ở phường Đ, thành phố Th số tiền 13.618.000đ; Đại lý Ba Đình ở phường A (nay là phường An Hưng), thành phố Th số tiền 1.700.000đ; Đại lý Tr ở phường N, thành phố Th số tiền 6.783.550đ và Nhà phân phối V ở phường Đ, thành phố Th số tiền 80.658.576đ. Tổng số tiền mà Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt tính đến ngày 11/01/2019 là 168.923.126 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của Công ty Cổ phần tập đoàn S, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý, kinh doanh gây thiệt hại cho Công ty. Do đó, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục, bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho Công ty. Bị cáo có ông, bà nội là người có công với nhà nước, nên có căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra không còn căn cứ xem xét tình tiết giảm nhẹ nào khác.

[6]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo, thấy cần thiết phải cách ly một thời gian đối với bị cáo để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật trong công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả là đã nhận thức được hành vi sai trái, biết ăn năn hối cải. Do đó cần áp dụng Điều 54 của BLHS giảm nhẹ cho bị cáo phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy tài sản Công ty bị chiếm đoạt là 168.923.126 đồng. Số tiền trên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty. Tuy nhiên, bị cáo đã nộp tiền khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Công ty vào ngày ngày 27/12/2021 và ngày 04/10/2023. Số tiền nộp vào ngày 04/10/2023 được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để thi hành. Do đó cần tiếp tục thu giữ số tiền trên để hoàn trả cho Công ty Cổ phần tập đoàn S.

[8]. Về xử lý vật chứng: Không xem xét xử lý.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 50, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22 tháng 9 năm 2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS, Điều 280, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty

Cổ phần tập đoàn S số tiền 168.923.126 đồng, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho Công ty. Số tiền nộp 60.000.000 đồng và số tiền 58.925.000 đồng được nộp để bồi thường khắc phục hậu quả theo hai giấy nộp tiền cùng ngày 04/10/2023 được chuyển vào Tk số: 394901054986 của Chi cục Thi hành án tại Kho bạc Nhà nước huyện H để bảo đảm công tác thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Không xem xét, xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 61, 62 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND huyện H;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện H;
- Thi hành án DS huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊ TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi